

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN ĐỨC LINH

TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Thuận

2. Ông Hồ Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh B .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ , tỉnh B tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số: 40/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng L , sinh năm 1986. Địa chỉ: số 214 đường số 12, thôn 2A, xã, xã Đông Hà, huyện Đ , tỉnh B .

- Bị đơn: Ông Ngô Văn N , sinh năm 1982. Địa chỉ: số 214 đường số 12, thôn 2A, xã, xã Đông Hà, huyện Đ , tỉnh B . Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ .

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày: Bà L và ông Ngô Văn N tự nguyện kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hà, huyện Đ, tỉnh B vào ngày 03/5/2007. Sau kết hôn, ông bà sống hạnh phúc và có 02 người con chung tên: Ngô Quang Dũng, sinh ngày 30/11/2007 và Ngô Quang Tiến, sinh ngày 16/4/2009. Từ năm 2013, vợ chồng bà bắt đầu xảy ra xung đột, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông N không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, Nện ma túy và nhiều lần đánh đập bà. Bà L và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng ông N vẫn không thay đổi. Ông bà sống ly thân từ năm 2017 đến nay, mỗi người sống một nơi, không qua lại và không quan tâm đến nhau. Hiện nay ông N đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ do có hành vi lấy trộm hoa lan của người khác. Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông N nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đơn khởi kiện, bà L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Ngô Văn N khai: Thống nhất như trình bày của bà L về thời gian kết hôn, con chung và thời gian sống ly thân. Ông N xác nhận hơn 01 năm nay ông không gặp bà L và không biết hiện tại bà L đang làm gì và cư trú theo địa chỉ nào. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông N đồng ý. Về con chung: Ông N không có ý kiến gì. Cùng ngày, ông N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng đã có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy hôn nhân giữa bà L và ông N đã lâm vào tình trạng N ên trọng, không thể hàn gắn được tình cảm. Hiện tại ông N đang bị tạm giam do thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 của

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L , xử cho ly hôn và giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi N ền cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đ thụ L , giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đ đã xác định quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng pháp luật.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn c ứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Về việc xét xử vắng mặt: Xét thấy tại phiên tòa, bị đơn Ngô Văn N vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà L và ông N tự nguyện kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ vào lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông N đã thật sự không hạnh phúc trong thời gian dài. Hai người đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay và hơn 01 năm nay không gặp nhau. Do đó có căn cứ xác định ông bà không còn quan tâm lẫn nhau. Quá trình tham gia tố tụng, bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông N , kiên quyết ly hôn và ông N đồng ý. Từ đó, có căn cứ xác định tình cảm vợ chồng giữa ông bà đã thật sự rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ pháp luật.

- Về con chung: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 11/3/2021 của TAND huyện Đ đã tuyên phạt Ngô Văn N 01 (một) năm tù về tội trộm cắp tài sản. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các cháu thì cần giao 02 con Dũng, Tiến cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật. Do bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, buộc bà L phải chịu án phí ly hôn là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L .

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố bà Nguyễn Thị Hồng L ly hôn ông Ngô Văn N .

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con: Ngô Quang Dũng, sinh ngày 30/11/2007 và Ngô Quang Tiến, sinh ngày 16/4/2009. Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N_o 0005224 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ . Bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà L được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 31/3/2021; Ông N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B ;
- VKSND huyện Đ ;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Hà;
- CC THADS huyện Đ ;
- Lưu HS, Án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

